

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60 /2017/HS-PT

Ngày: 27-12-2017

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

*Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

|                                       |                      |
|---------------------------------------|----------------------|
| <i>Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:</i> | Ông Nguyễn Văn Tiến  |
| <i>Các Thẩm phán:</i>                 | Ông Nguyễn Xuân Điền |
|                                       | Ông Võ Ngọc Thông    |

*Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành An - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa:* Ông Lê Ra - Kiểm sát viên.

Vào ngày 27 tháng 12 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 15/TLPT-HS ngày 09 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo: Lê Văn T về tội “Tham ô tài sản”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2017/HS-ST ngày 31/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

*\* Bị cáo có kháng cáo:*

**Họ và tên:** Lê Văn T, Sinh năm 1979, tại Quảng Ngãi; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: đường V, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: Nguyên Cán bộ Phòng PC 68 Công an tỉnh Quảng Ngãi; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Lê H (Chết) và bà Lâm Thị L (Chết); Có vợ tên là Phùng Thị B Hải, sinh năm 1980 và có 02 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/10/2016 cho đến nay; Bị cáo đang giam; Có mặt tại phiên tòa;

- **Người bào chữa:** Ông Thới Mạnh C, Luật sư của Văn phòng Luật sư C, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ngãi, là người bào chữa theo luật định cho bị cáo Lê Văn T; Có mặt.

- **Nguyên đơn dân sự:** Công an tỉnh Quảng Ngãi, người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Thanh T, chức vụ: Giám đốc; địa chỉ trụ sở: tỉnh Quảng Ngãi

Ông Nguyễn Thanh T có văn bản số 2484/CAT-PV11 (CS) ngày 23/8/2017 của Công an tỉnh Quảng Ngãi ủy quyền cho ông Võ D, Phó Trưởng phòng PH 41 tham gia tố tụng tại phiên tòa.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Nguyễn Tiến D, sinh năm 1956; Trú tại: đường H, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.
2. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1967; Trú tại: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.
3. Ông Dương Quốc B, sinh năm 1961; Trú tại: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.
4. Bà Trương Thị Kim T, sinh năm 1978; Trú tại: xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.
5. Ông Bùi Anh T, sinh năm 1982; địa chỉ: Cán bộ Phòng PC 68 Công an tỉnh Quảng Ngãi.
6. Ông Lê Quang T, sinh năm 1965; Trú tại: xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.
7. Bà Phùng Thị Bích H, sinh năm 1980; Trú tại: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

**1/ Tình hình quản lý tài chính của Phòng PC68:**

Phòng Cảnh sát đường thủy (PC68) là đơn vị thanh toán trực thuộc Công an tỉnh; việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước của Phòng PC68 thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán, các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thi hành Luật Ngân sách, Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn thực hiện trong công an nhân dân.

Từ năm 2011 đến nay, tại Phòng PC68 có 03 lần thay đổi Trưởng phòng (Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước): Ông Nguyễn Tiến D làm Trưởng phòng đến hết tháng 3/2014 (nghỉ chờ hưu từ ngày 01/4/2014); Ông Nguyễn Văn H - Phó Trưởng phòng phụ trách từ tháng 4/2014 đến hết tháng 12/2014; từ tháng 01/2015 đến nay ông Dương Quốc B làm Trưởng phòng.

Cán bộ làm kế toán, thủ quỹ của Phòng PC68 được bố trí kiêm nhiệm: Từ tháng 12/2010 trở về trước do ông Nguyễn Mậu T, nguyên cán bộ PC68 đảm nhiệm; Từ ngày 01/01/2011, Lê Văn T, cán bộ Đội tổng hợp PC68 được ông Nguyễn Tiến D - Trưởng phòng phân công vừa làm việc kế toán, vừa làm công việc thủ quỹ của đơn vị.

Ngày 15/5/2014, tại Văn bản số 152/PC68 ông Nguyễn Văn H - Phó Trưởng phòng phụ trách phân công ông Bùi Anh T, cán bộ Đội tổng hợp làm kế toán; bà Trương Thị Kim T, Đội trưởng Đội tổng hợp làm thủ quỹ thay cho Lê Văn T (lúc này Tình đã được bổ nhiệm làm Thủy đội phó), nhưng quyết định này chưa được

thực thi vì Tỉnh chưa chốt được sổ nên không tiến hành bàn giao kế toán, thủ quỹ được nên Tỉnh vẫn tiếp tục đảm nhiệm công tác kế toán kiêm thủ quỹ. Đến ngày 12/02/2015, tại Văn bản số 57/PC68 ông Dương Quốc B - Trưởng phòng phân công Lê Văn T làm kế toán (lúc này Tỉnh đã được điều động giữ chức vụ Đội phó Đội tổng hợp), bà Trương Thị Kim T làm thủ quỹ nhưng quyết định này cũng chưa thực thi được do chưa chốt được sổ sách để bàn giao nên Tỉnh vẫn tiếp tục làm kế toán kiêm thủ quỹ. Đến ngày 04/12/2015 Tỉnh bàn giao thủ quỹ cho bà Trương Thị Kim T. Ngày 22/3/2016, Tỉnh bàn giao kế toán cho ông Bùi Anh T theo phân công mới của lãnh đạo (văn bản số 113/PC68 ngày 07/3/2016).

Như vậy, Lê Văn T đảm nhận thủ quỹ PC68 từ tháng 01/2011 đến ngày 03/12/2015 và vừa làm kế toán PC68 từ tháng 01/2011 đến ngày 22/3/2016.

Cấp ủy, lãnh đạo Phòng PC68 đã ban hành Quy chế quản lý tài chính, tài sản của Phòng PC68 do ông Nguyễn Tiến D - Trưởng phòng ký ngày vào 13/7/2012, theo đó:

Hàng năm, căn cứ thông báo và hướng dẫn lập dự toán ngân sách của Phòng Hậu cần - Kỹ thuật (PH41) Công an tỉnh Quảng Ngãi, cán bộ theo dõi công tác hậu cần tham mưu cho lãnh đạo phòng lập dự toán thu, chi ngân sách của đơn vị gửi Phòng hậu cần để thẩm định và trình Giám đốc Công an tỉnh phê duyệt. Trên cơ sở dự toán được giao, cấp ủy, lãnh đạo đơn vị họp thống nhất nhiệm vụ thu, chi hoặc điều chỉnh giữa các mục thu chi cho phù hợp với thực tế của đơn vị.

Việc chi phải đúng chế độ tiêu chuẩn, định mức do Nhà nước, Bộ Công an và Giám đốc Công an tỉnh quy định; mọi khoản chi đều phải được lãnh đạo đơn vị phê duyệt.

Cán bộ theo dõi công tác hậu cần có chức năng, nhiệm vụ giúp Trưởng phòng quản lý toàn bộ tài sản, quản lý thu - chi tài chính của đơn vị; trực tiếp thực hiện việc ghi nhận các nguồn kinh phí, chi và thanh quyết toán với phòng hậu cần theo quy định; hàng tháng phải công khai các khoản thu chi kinh phí trong tháng đó trước đơn vị vào ngày thứ hai tuần đầu tiên của tháng tiếp theo.

Về kiểm tra, giám sát công tác quản lý, sử dụng tài chính: Trưởng phòng phải thực hiện việc tự kiểm tra và chịu trách nhiệm về công tác quản lý tài chính của đơn vị mình; cán bộ hậu cần là người giúp Trưởng phòng kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác quản lý tài chính của đơn vị và các đội nghiệp vụ.

## **2/ Việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí được cấp:**

Do được phân công vừa làm kế toán, vừa làm thủ quỹ nên trong quá trình thực hiện chức trách nhiệm vụ của mình, Lê Văn T chỉ mở 01 sổ kế toán - tiền mặt chung (gọi là sổ Quỹ) để theo dõi quản lý thu, chi tiền mặt và thanh quyết toán tất cả các nguồn kinh phí từ ngân sách của PC68, T không phân loại từng nguồn kinh phí mà nhập chung trong một quỹ này và chỉ được chi cho các hoạt động của đơn vị sau khi có phê duyệt của lãnh đạo, chứng từ thực chi được lưu giữ tại đơn vị, cụ thể:

### **2.1/ Đối với các nguồn kinh phí thuộc nhóm kinh phí dự toán:**

Hạn mức các nguồn kinh phí này do Giám đốc Công an tỉnh phân bổ hàng năm; các đơn vị PV11, PC44, PC49, PH41 có văn bản thông báo cho các đơn vị trong đó có PC68. Theo chức năng nhiệm vụ được giao Lê Văn T chịu trách nhiệm đến PH41 nhận tiền mặt.

Từ tháng 01/2011 đến tháng 3/2016, Phòng PH41 Công an tỉnh cấp phát kinh phí dự toán cho đơn vị PC68 với tổng số tiền là: 6.949.911.973 đ, cụ thể:

|                                             |                |
|---------------------------------------------|----------------|
| - Kinh phí thường xuyên:                    | 1.014.000.000đ |
| - Kinh phí an toàn giao thông:              | 3.614.881.831đ |
| - Kinh phí mật phí:                         | 244.500.000đ   |
| - Kinh phí truy nã tội phạm:                | 3.500.000đ     |
| - Kinh phí quản lý vũ khí, vật liệu nổ:     | 23.500.000đ    |
| - Kinh phí PCTP:                            | 25.000.000đ    |
| - Kinh phí chương trình mục tiêu PC ma túy: | 39.000.000đ    |
| - Kinh phí PCTP mua bán người:              | 57.000.000đ    |
| - Kinh phí PCTP địa phương:                 | 25.000.000đ    |
| - Kinh phí phòng chống ma túy địa phương:   | 25.000.000đ    |
| - Kinh phí sự nghiệp môi trường:            | 49.000.000đ    |
| - Kinh phí bảo vệ cổ vật:                   | 1.825.530.142đ |
| - Kinh phí phòng chống lụt bão:             | 4.000.000đ     |

Phòng PC68 đã lập chứng từ thanh quyết toán với PH41 số tiền 6.942.729.831đ, chưa thanh quyết toán 7.182.142đ (kinh phí của Quý 1/2016).

Số tiền 6.949.911.973đ nói trên, PH41 chuyển khoản 67.812.000đ cho DNTN xăng dầu V để thanh toán tiền xăng dầu PC68 đã mua; còn 6.882.099.973đ được cấp bằng tiền mặt.

Kết quả kiểm tra đối chiếu chứng từ với PH41 có căn cứ xác định: Nguyễn Mậu T nhận số tiền 18.000.000đ (kinh phí thường xuyên tháng 1+2/2011), Bùi Anh T nhận 21.000.000 đ (kinh phí thường xuyên tháng 3/2016 và truy nã năm 2016) đã được nhập vào quỹ đơn vị theo đúng quy định. Lê Văn T nhận số tiền 6.843.099.973đ, cụ thể số tiền T nhận:

|                                             |                  |
|---------------------------------------------|------------------|
| - Kinh phí thường xuyên:                    | 976.000.000 đ.   |
| - Kinh phí an toàn giao thông:              | 3.547.069.831 đ. |
| - Kinh phí mật phí:                         | 244.500.000 đ.   |
| - Kinh phí truy nã tội phạm:                | 2.500.000 đ.     |
| - Kinh phí quản lý vũ khí, vật liệu nổ:     | 23.500.000 đ.    |
| - Kinh phí PCTP:                            | 25.000.000 đ.    |
| - Kinh phí chương trình mục tiêu PC ma túy: | 39.000.000 đ.    |
| - Kinh phí PCTP mua bán người:              | 57.000.000 đ.    |
| - Kinh phí PCTP địa phương:                 | 25.000.000 đ.    |
| - Kinh phí phòng chống ma túy địa phương:   | 25.000.000 đ.    |
| - Kinh phí sự nghiệp môi trường:            | 49.000.000 đ.    |
| - Kinh phí bảo vệ cổ vật:                   | 1.825.530.142 đ. |
| - Kinh phí phòng chống lụt bão:             | 4.000.000 đ.     |
|                                             | 6.843.100.000đ   |

Số tiền trên T đã nhập vào quỹ đơn vị 5.118.535.000đ (thể hiện trong sổ quỹ), còn 1.724.564.973đ, T tự ý bỏ ngoài sổ sách, trong đó:

|                                  |                |
|----------------------------------|----------------|
| - Kinh phí thường xuyên:         | 264.000.000đ;  |
| - Kinh phí ATGT:                 | 601.494.831đ;  |
| - Kinh phí mặt phí:              | 24.000.000đ;   |
| - Kinh phí PCTP:                 | 5.000.000đ;    |
| - Kinh phí PCTP mua bán người:   | 29.000.000đ;   |
| - Kinh phí PCTP địa phương:      | 25.000.000đ;   |
| - Kinh phí sự nghiệp môi trường: | 7.000.000đ;    |
| - Kinh phí bảo vệ đồ cổ vật:     | 769.070.142đ;  |
|                                  | 1.724.564.973đ |

Căn cứ chứng từ thu thập được số tiền 1.724.564.973đ bỏ ngoài sổ sách T đã sử dụng:

\* Chi có chứng từ và được Lãnh đạo PC68 xác nhận có chi: Tổng cộng là 647.216.200đ, T khai các chứng từ chi này do T để lẫn lộn trong các tài liệu khác nên không cập nhập kịp thời vào sổ quỹ tiền mặt (lời khai 27/4/2017), gồm:

+ Chuyển cho 2 đơn vị PV11 và PX13 số tiền 22.400.000đ theo Văn bản thông báo phân bổ kinh phí của Phòng PV11 Công an tỉnh.

+ Chi thăm ốm, đại đoàn kết, tiền xăng chạy ca nô bảo vệ hiện trường đồ cổ, sinh hoạt cộng tác viên bí mật (MLBM); các khoản hỗ trợ như: gia đình CBCS gặp khó khăn, nghỉ việc, hỗ trợ tiền điện, tiền nước, thuê nhà cho cán bộ, chiến sĩ ở để bảo vệ đồ cổ, hỗ trợ đội PCTP đi công tác; phụ cấp đặc thù CSGT đường thủy cho CBCS; bồi dưỡng cho cán bộ chiến sĩ tham gia bảo vệ đồ cổ; liên hoan, tiếp khách (mời cơm),

\* Chi không có chứng từ số tiền tổng cộng 864.748.773đ, gồm:

+ Theo T khai theo chỉ đạo của lãnh đạo phòng PC68 đã chi bồi dưỡng, phong bì cho một số cán bộ Lãnh đạo số tiền 123.000.000đ, nhưng Cơ quan điều tra xác minh làm rõ thì không ai xác nhận có nhận số tiền của T, T cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh và cũng không có người chứng kiến việc đưa tiền.

+ Chi hỗ trợ tiền điện, nước thuê nhà của ông Nguyễn Văn S để bảo vệ đồ cổ: 16.000.000 đồng; khoản chi này T chỉ không chứng từ; qua làm việc, ông S xác định có nhận 10.000.000 đồng đã công nhận chi cho T, chênh lệch 6.000.000đ không có căn cứ chi.

+ Chi hỗ trợ tiền điện, nước thuê nhà của ông Phạm H để bảo vệ đồ cổ: 4.220.000đ; khoản chi này T chỉ không chứng từ; qua làm việc, ông H xác định không nhận khoản tiền này.

+ Chi tiền thuế VAT, thuế môn bài 02 hóa đơn thuê nhà do Chi cục thuế huyện B cấp để quyết toán tiền thuê nhà thuộc kinh phí bảo vệ đồ cổ: 3.682.000đ nhưng không có chứng từ chứng minh.

+ Chi 727.846.773 đ (T khai) cho các hoạt động của đơn vị (chủ yếu chi tiếp khách, chi hỗ trợ lãnh đạo đi công tác) theo sự chỉ đạo bằng miệng của ông

Nguyễn Tiến D - Nguyên Trưởng phòng PC68, ông Nguyễn Văn H - Nguyên Phó trưởng phòng PC68 nhưng không lập chứng từ hoặc có trường hợp lập chứng từ nhưng đã bị thất lạc (tại Cơ quan điều tra T không chứng minh được các khoản chi này). Làm việc với Cơ quan điều tra ông Nguyễn Tiến D, ông Nguyễn Văn H xác định không có chỉ đạo cho T bỏ ngoài sổ sách số tiền 727.846.773đ để chi cho các hoạt động trên; kết quả đối chất giữa ông Nguyễn Tiến D, Nguyễn Văn H với Lê Văn T; ông D, ông H vẫn khẳng định không chỉ đạo T bỏ ngoài sổ sách số tiền 727.846.773đ để chi cho các hoạt động trên.

\*T chiếm đoạt 235.000.000đ: Theo T khai số tiền này T tự ý lấy sử dụng tiêu xài và trả nợ tiền vay ngân hàng cho cá nhân T (vay Ngân hàng đầu tư và phát triển Quảng Ngãi, vay Ngân hàng A - Chi nhánh Quảng Ngãi, vay Ngân hàng X - Chi nhánh T, vay của ông Trịnh M ở xã T, huyện S).

Như vậy, căn cứ vào tài liệu đã điều tra thu thập được thì có căn cứ xác định trong số tiền T cố ý bỏ ngoài sổ sách là 1.724.564.973đ của nguồn kinh phí trong dự toán thì T có chi cho hoạt động chung của đơn vị (theo giấy đề xuất, danh sách nhận tiền, ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo PC68) với số tiền là 624.816.200đ; T chiếm đoạt số tiền 1.099.748.773đ.

## 2.2/ Đối với nhóm kinh phí được thanh toán ngoài dự toán:

Là nguồn kinh phí đơn vị PC68 được PH41 thanh toán ngoài dự toán như: phụ cấp đặc thù; trợ cấp khó khăn; tiền tàu, xe; tiền công tác phí ngoài khoán; tiền sửa chữa ngoài khoán; tiền trợ cấp thương tật; tiền trực tết; thăm ốm; phụ cấp cấp ủy...

Từ tháng 01/2011 đến tháng 3/2016, Phòng PC68 được PH41 thanh toán cụ thể qua từng năm như sau:

|                                   |               |
|-----------------------------------|---------------|
| - Năm 2011 thanh toán             | 120.476.995đ. |
| - Năm 2012 thanh toán             | 145.453.000đ. |
| - Năm 2013 thanh toán             | 209.772.400đ. |
| - Năm 2014 thanh toán             | 128.468.000đ. |
| - Năm 2015 cấp                    | 142.232.955đ. |
| - Từ tháng 01- 03/2016 thanh toán | 38.905.000đ.  |
| Tổng cộng:                        | 785.308.350đ. |

Kết quả kiểm tra đối chiếu chứng từ với PH41 có căn cứ xác định:

+ Các cá nhân nhận trực tiếp tại PH41 số tiền 52.678.000đ xác định được chi trả đúng quy định. Lê Văn T trực tiếp nhận 732.630.350đ, T nhập quỹ 130.675.000đ (kinh phí ngoài khoán năm 2011: 120.355.000đ và kinh phí phục vụ đại hội chi bộ: 10.320.000đ), cấp phát lại cho cán bộ chiến sĩ 557.360.350 đồng, số tiền còn lại 44.595.000đ T chiếm đoạt sử dụng cá nhân, cụ thể:

- Ngày 28/3/2013 T nhận 3.990.000đ tiền trực tết năm 2013 (trong đó T được hưởng 210.000đ), còn lại 3.780.000đ T không cấp phát lại cho cán bộ chiến sĩ và cũng không nhập quỹ đơn vị.

- Ngày 17/01/2013 T chi tạm ứng quỹ đơn vị số tiền 21.580.000đ để phục vụ tổ chức Lễ hạ thủy Tàu cứu hộ đa năng H29; đến ngày 31/3/2013 được PH41 thanh toán lại với số tiền 20.740.000đ nhưng T không nhập trả quỹ đơn vị.

- Ngày 15/5/2015 T nhận 5.290.000đ tiền trực tết năm 2015 (trong đó T được hưởng 230.000đ); còn lại 5.060.000đ T không cấp phát lại cho cán bộ chiến sĩ và cũng không nhập quỹ đơn vị.

- Ngày 07/8/2015 Võ Thành L, Trần Phạm Thanh H, Võ Tấn Đ ứng kinh phí của đơn vị số tiền 3.000.000đ đi tập huấn tại Quảng Bình; đến ngày 30/9/2015 PH41 thanh toán lại với số tiền 4.632.000đ (tiền ăn và công tác phí) nhưng T không nhập trả quỹ đơn vị số tiền 3.000.000đ và cũng không cấp phát số tiền 1.632.000đ (554.000đ/người) cho Võ Thành L, Trần Phạm Thanh H, Võ Tấn Đ.

- Ngày 31/01/2016 T nhận 6.243.000 đồng tiền ăn định lượng tháng 12/2015 nhưng không cấp phát lại cho CBCS và cũng không nhập quỹ đơn vị.

- Tiền phụ cấp cấp ủy từ quý I đến quý IV của ông Phạm Văn B: 4.140.000 đồng; sau khi nhận tiền về T không cấp lại cho ông B mà lấy tiêu xài cá nhân.

Như vậy, T đã chiếm đoạt số tiền 44.595.000đ; trong đó 23.740.000đ thuộc quỹ chung của đơn vị, 20.855.000đ ngân sách chi cho cán bộ chiến sĩ thông qua đơn vị PC68.

### 2.3/ Đối với nhóm kinh phí khác chi bằng tiền mặt:

Nhóm kinh phí khác được PH41 chi bằng tiền mặt bao gồm các khoản kinh phí cấp phát theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức như: tiền khen thưởng, tiền Bộ Công an hỗ trợ cho CBCS dịp lễ, tết, tiền nghỉ phép, nghỉ dưỡng, truy lĩnh phụ cấp thu hút...

Căn cứ vào tài liệu, chứng từ thu - chi, cấp phát và xác nhận của PH41 Công an tỉnh thì từ tháng 01/2011 đến tháng 3/2016 đơn vị PC68 được nhận tổng cộng 966.528.055đ bằng tiền mặt, gồm:

- Năm 2011 nhận 117.593.455đ.
- Năm 2012 nhận 440.989.000đ.
- Năm 2013 nhận 89.366.000đ.
- Năm 2014 nhận 100.954.000đ.
- Năm 2015 nhận 217.625.600đ
- Năm 2016 chưa nhận.

Trong đó: Cá nhân nhận trực tiếp tại VH 41 gồm: ông Nguyễn Mậu T nhận 17.100.000đ, ông Lê Xuân H nhận 6.050.000đ, ông Bùi Anh T nhận 2.100.000đ (nhận và chi trả đúng quy định); Lê Văn T nhận 941.278.055đ, T nhập quỹ đơn vị 98.680.000đ, cấp phát trực tiếp cho cán bộ chiến sĩ số tiền 758.626.505đ, số tiền còn lại 83.971.550đ T lấy sử dụng tiêu xài cá nhân, cụ thể:

- Ngày 12/6/2012, T nhận tiền truy lĩnh phụ cấp thu hút năm 2012 của Đinh Hải T 34.479.550đ; T chỉ chi trả cho Đinh Hải T 3.000.000đ; T không chi trả cho T, không nhập quỹ đơn vị mà chiếm đoạt 31.479.550đ.

- Ngày 31/12/2015, T nhận tiền bồi dưỡng những ngày không nghỉ phép cho cả đơn vị năm 2015 là 27.007.000đ (trong đó T được hưởng 3.598.000đ); còn lại 23.409.000đ không chi trả lại cho cán bộ chiến sĩ mà lấy tiêu xài cá nhân.

- Ngày 30/12/2015, T nhận tiền truy lĩnh ăn định lượng năm 2015 là 29.083.000 đồng; T không chi trả lại cho cán bộ chiến sĩ mà lấy tiêu xài cá nhân.

**3/ Việc quản lý, sử dụng số tiền đã nhập vào quỹ: Căn cứ vào chứng từ thu- chi của đơn vị và sổ kế toán vừa là quỹ đơn vị phản ánh:**

\* Giai đoạn từ tháng 01/2011 đến ngày 03/12/2015, Lê Văn T làm thủ quỹ.

Tổng số tiền T nhập quỹ đơn vị trong giai đoạn này là 4.643.995.000đ (trong đó: 4.410.230.000đ (trong dự toán) + 229.355.000đ (ngoài dự toán) + 4.410.000đ (tồn quỹ năm 2010 mang sang). Tổng số tiền T đã chi được phản ánh trong sổ quỹ là 4.507.833.391đ. Tồn quỹ trên sổ theo dõi là 136.161.609đ nhưng khi kiểm quỹ thì thực tế không có tiền trong quỹ để bàn giao cho bà Trương Thị Kim T. Số tiền 136.161.609đ T đã chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết.

\* Giai đoạn từ ngày 04/12/2015 đến ngày 31/3/2016, Trương Thị Kim T làm thủ quỹ :

Ngày 04/12/2016, Trương Thị Kim T tiếp nhận công việc thủ quỹ thay cho Lê Văn T và trực tiếp thực hiện công việc thu, chi quỹ của đơn vị. Từ ngày 04/12/2015 đến ngày 31/3/2016 tổng số tiền nhập quỹ là 746.995.000đ; bao gồm: 726.305.000đ T nhận kinh phí dự toán còn lại năm 2015 và 20.690.000đ Bùi Anh T nhận kinh phí tháng 3/2016. Tổng số tiền bà T đã chi là 568.940.000đ. Số tiền còn tồn là 178.055.000đ không phát hiện có dấu hiệu sai phạm.

Như vậy trong thời gian làm kế toán kiêm thủ quỹ đơn vị PC68 (từ tháng 01/2011 đến tháng 03/2016) Lê Văn T đã chiếm đoạt số tiền là: 1.364.476.932đ (1.099.748.773đ + 44.595.000đ + 83.971.550đ + 136.161.609đ). Trong đó: 1.259.650.382đ kinh phí hoạt động của đơn vị, 104.826.550đ là kinh phí thuộc nguồn ngân sách chi trả chế độ chính sách cán bộ, chiến sĩ trong đơn vị nhưng T đã chiếm đoạt.

\*Về trách nhiệm dân sự:

Tháng 03/2016, lãnh đạo PC68-Dương Quốc B - Trưởng phòng tiến hành thanh kiểm tra nội bộ, phát hiện T bỏ ngoài sổ sách chiếm đoạt tiền ngân sách cấp cho đơn vị và tiền chế độ chính sách của cán bộ chiến sĩ trong năm 2015 với số tiền 517.121.000đồng; ngày 07/4/2016 T nộp khắc phục cho PC68 số tiền 381.122.000đ. PC68 đã chi trả lại cho CBCS là 62.154.000đồng (do bà Trương Thị Kim T - thủ quỹ trực tiếp chi trả), còn lại 318.968.000đồng Phòng PC 68 đã nộp lại cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ngãi.

Trong giai đoạn điều tra, ngày 22/8/2016 T nộp tại Cơ quan điều tra số tiền 807.000.000 đồng, ngày 22/5/2017 bà Phùng Thị Bích H (vợ T) nộp số tiền 100.000.000 đồng, tổng cộng 907.000.000 đồng Cơ quan điều tra đang tạm giữ; cán bộ chiến sĩ PC68 không yêu cầu T trả số tiền chế độ chính sách của họ là 42.672.550đồng. Ngày 29/8/2017, bà Phùng Thị Bích H tiếp tục nộp số tiền

33.682.382 đồng tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, bị cáo Lê Văn T đã khắc phục toàn bộ hậu quả.

Về tài sản: Ngày 17/5/2017 Cơ quan điều tra tiến hành kê biên đất ở của Lê Văn T tại 09E Vạn Tường, tổ 5, phường Nghĩa Chánh, thành phố Q để đảm bảo cho việc xử lý vụ án.

**\* Tại bản án hình sự sơ thẩm 15/2017/HS-ST ngày 31/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:**

\*Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “Tham ô tài sản”.

Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 278; các điểm b, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 và Điều 33 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn T 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo tạm giam ngày 10/10/2016.

\*Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Lê Văn T đã khắc phục xong toàn bộ số tiền bị cáo đã chiếm đoạt, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

\*Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 1.259.650.382 đồng gồm, 1.225.968.000 đồng đang tạm gửi tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi (Theo ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử lập ngày 30/8/2017 giữa Kho Bạc Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi và Công an tỉnh Quảng Ngãi) và 33.682.382 đồng bà Phùng Thị Bích H nộp khắc phục tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi (Theo biên lai thu tiền số AA/2010/06102 ngày 29/8/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi). Tiếp tục tạm giữ hai khoản tiền trên để đảm bảo thi hành án.

\*Về tài sản: Áp dụng khoản 4 Điều 146 của Bộ luật tố tụng hình sự. Hủy bỏ lệnh kê biên tài sản số 03/CSĐT (PC46) ngày 16/5/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ngãi.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyết định về phần án phí; quyền kháng cáo và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Sau khi án xử sơ thẩm, ngày 06/9/2017 bị cáo Lê Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do: Án sơ thẩm xử phạt bị cáo 15 năm tù là quá nặng, bị cáo đã khắc phục hết hậu quả, có thời gian phục vụ trong lực lượng Công an 19 năm, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Tại phiên tòa bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên hình phạt 15 năm tù đối với bị cáo. Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các lý do mà bị cáo đã nêu ra để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Sau khi nghe bị cáo trình bày nội dung kháng cáo; quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án; lời bào chữa của Luật sư bào chữa cho bị cáo và tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:**

[1]. Theo lời khai của bị cáo và các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm và tại phiên toà phúc thẩm thì thấy: Trong thời gian từ tháng 01/2011 đến tháng 3/2016 Lê Văn T là cán bộ Phòng PC68 Công an tỉnh Quảng Ngãi được phân công làm nhiệm vụ công tác hậu cần (kế toán kiêm thủ quỹ); lợi dụng nhiệm vụ được giao, Lê Văn T đã bằng thủ đoạn là: Khi nhận tiền mặt từ phòng PH41 về không nhập vào sổ quỹ của đơn vị mà bỏ ngoài sổ sách để chiếm đoạt số tiền 1.364.476.932 đồng. Với hành vi và hậu quả như trên Bản án sơ thẩm số 15/2017/HS-ST ngày 31/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “Tham ô tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 4 Điều 278 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Văn T thì thấy: Bị cáo Lê Văn T là cán bộ Công an được giao trách nhiệm là kế toán của đơn vị, bị cáo biết rõ trách nhiệm của mình trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công nhưng bị cáo lại lợi dụng nhiệm vụ được giao để trong một thời gian dài (từ tháng 01/2011 đến tháng 3/2016) bằng các thủ đoạn khác nhau để chiếm đoạt số tiền 1.364.476.932 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo Lê Văn T bị truy tố và xét xử theo quy định tại khoản 4 Điều 278 Bộ luật hình sự có khung hình phạt tù từ 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình. Sau khi phạm tội do bị cáo khai báo thành khẩn, đã khắc phục hết số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt nên khi xét xử sơ thẩm đã áp dụng các T tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự và do bị cáo có nhiều T tiết giảm nhẹ nên cấp sơ thẩm cũng đã áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Lê Văn T 15 năm tù là mức án dưới khung của tội mà bị cáo bị truy tố và xét xử là đúng tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra. Sau khi án xử sơ thẩm bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng bị cáo cũng như Luật sư bào chữa cho bị cáo không có T tiết nào mới để được xem xét giảm nhẹ hình phạt, vì thế Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[3]. Do đơn kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Từ những nhận định trên.

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Văn T. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 15/2017/HS-ST ngày 31/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 278; các điểm b, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Lê Văn T 15 (mười lăm) năm tù về tội: “Tham ô tài sản”. Thời gian chấp hành hình phạt của bị cáo tính từ ngày 10 tháng 10 năm 2016.

2. Án phí phúc thẩm: Bị cáo Lê Văn T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định về: Trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, kê biên tài sản đảm bảo thi hành án và án phí hình sự sơ thẩm được thực hiện theo quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2017/HS-ST ngày 31/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Văn Tiến**